

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIUỘC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/HSST
Ngày: 26-3-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Bảo.

Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Trường Tam .

Ông Nguyễn Thành Công.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc: Bà Hứa Thị Cẩm Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2025/TLST - HS ngày 10 tháng 3 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2025/QĐXXST-HS, ngày 13 tháng 3 năm 2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đỗ Ngọc D**, sinh ngày: 29/6/1987.

Nơi thường trú: 1 V, Phường H, Quận F, Tp .; Trình độ học vấn: 05/12; Nghề nghiệp: chạy xe ôm công nghệ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Ngọc N và bà Trần Thị Thanh N1 (đã chết); bản thân có vợ tên Hứa Thị Xuân H, có 01 con sinh năm 2020; Tiền án: Bản án số 42/2023/HSST ngày 05/4/2023, của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An xử phạt 01(một) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành xong ngày 13/12/2023; Tiền sự: không; Nhân thân: Quyết định số 0010960/QĐ-XPHC, ngày 07/6/2017, của Công an xã T, huyện B, Tp . xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản (03 con gà), với số tiền 1.500.000 đồng, đã nộp phạt ngày 07/6/2017. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/10/2024 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ngô Ngọc Tuấn A, sinh năm: 1978 (có mặt).

Cư trú: Tổ A, khu phố K, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Lâm Thị L, sinh năm: 1964 (vắng mặt).

Cư trú: A P, Phường D, Quận F, Tp ..

2/ Lê Kim P, sinh năm: 1972 (có mặt).

Cư trú: 1094 – A L, Phường G, Quận F, Tp ..

3/ Lê Thị Hoàng M, sinh năm: 1987 (vắng mặt).

Cư trú: 7 Hậu Giang, Phường A, Quận F, Tp ..

4/ Đỗ Thanh T, sinh năm: 1989 (vắng mặt).

Cư trú: 1 V, Phường H, Quận F, Tp ..

5/ Đỗ Ngọc C, sinh năm: 1990 (vắng mặt).

Cư trú: 1 V, Phường H, Quận F, Tp ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 27/9/2024, Đỗ Ngọc D điều khiển xe mô tô biển số 59K1-982.06 đến địa bàn thị trấn C, huyện C để tìm tài sản lấy trộm. Khi đến khu vực Tổ A, khu phố K, thị trấn C thì D phát hiện nhà của anh Ngô Ngọc T1 A khóa cửa bên ngoài, không có người trông coi nên D điều khiển xe mô tô đến quán hủ tiếu ven đường Q (gần nhà anh A), rồi lấy cây đục (de) bằng kim loại dài khoảng 25cm, được quấn băng keo màu đen xung quanh, đã chuẩn bị sẵn từ trước bỏ vào túi áo khoác, rồi đi đến mua hủ tiếu và gửi xe tại quán. Sau đó, D đi bộ vào hẻm cặp hông nhà của A, trèo tường vào bên hông nhà, rồi lấy 01 cây nhỏ đinh (xà ben) hình tròn bằng kim loại màu đen, dài khoảng 60cm để sẵn ở gần tường để cạy khóa cửa bên hông vào nhà. Khi vào trong nhà, D phát hiện có camera nên ngắt cầu dao điện, rồi mở đèn pin bằng điện thoại đi vào phòng ngủ của A để tìm tài sản thì phát hiện tủ nhựa màu hồng - trắng có nhiều ngăn, trong đó có ngăn trên cùng bên trái bị khóa nên D dùng cây đục (de) cạy bung ngăn tủ ra, bên trong tủ có 01 xấp tiền 30.000.000 đồng và 01 hộp bằng nhựa màu hồng đựng nhiều loại nữ trang gồm lắc, dây chuyền, nhẫn màu vàng và màu trắng, D bỏ tất cả tài sản trên vào túi áo khoác bên trái, rồi tiếp tục đi đến phòng khách phát hiện 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A50 màu bạc, đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, màu vàng bị bể kính màn hình, bể ốp lưng để trên bàn nên D lấy bỏ vào túi áo khoác cùng với tiền và hộp nhựa đựng nữ trang, rồi tẩu thoát ra ngoài. Sau đó, D đến quán hủ tiếu lấy xe mô tô điều khiển chạy về nhà.

Đến ngày 28/9/2024, D đem 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A50 màu bạc, đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, màu vàng bị bể kính màn hình, bể ốp lưng đến đường L thuộc Quận A, Tp . bán cho một người đàn ông (không rõ họ tên, địa chỉ) được 1.000.000 đồng; đem 01 nhẫn vàng 9999, trọng lượng 2,5 chỉ đến tiệm V, địa chỉ 7 Hậu Giang, Phường A, Quận F, TP . gặp chị Lê Thị Hoàng M bán được 18.400.000 đồng; đem 01 chiếc lắc loại vàng 18K (61%), trọng lượng 01 lượng 02 phân đến tiệm C1, địa chỉ 1 L, Phường G, Quận F, Tp . gặp chị Lê Kim P (chủ tiệm cầm đồ) cầm được số tiền 35.000.000 đồng.

Đến ngày 29/9/2024, D tiếp tục đem 02 nhẫn, loại vàng 18K (61%), tổng trọng lượng 01 chỉ; 01 dây chuyền và mặt dây chuyền, loại vàng trắng (I), tổng trọng lượng 11,7 gam; 02 lắc vàng trắng, tổng trọng lượng 06 gam và 01 nhẫn vàng trắng (I), trọng lượng 4,17 gam đến tiệm vàng không rõ tên, địa chỉ thuộc Quận H, Tp . bán được 10.000.000 đồng. Đến chiều cùng ngày, D đem 01 nhẫn vàng 9999, trọng lượng 2,5 chỉ và 01 nhẫn, loại vàng 18K (75%), trọng lượng 1,16 chỉ đến tiệm V1, địa chỉ: A P, Phường D, Quận F, TP . gặp bà Lâm Thị L (chủ tiệm vàng) bán được 21.000.000 đồng, rồi mua lại 300 USD gồm 02 tờ mệnh giá 100 USD và 02 tờ mệnh giá 50 USD, rồi tiếp tục đem 01 dây chuyền cong kim tiền và mặt dây chuyền, loại vàng 18K (61%), tổng trọng lượng 03 chỉ 02 phân đến tiệm cầm đồ Kim P cầm được số tiền 10.000.000 đồng. Đến chiều ngày 30/9/2024, D tiếp tục đến tiệm C1 để thỏa thuận bán số vàng đã cầm cho chị P thì bị lực lượng Công an huyện C mời về làm việc. Qua làm việc, D thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản số 59/KL-HĐĐGTS ngày 27/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C, xác định:

- 01 (một) chiếc lắc loại vàng 18k (61%), trọng lượng 01 (một) lượng 02 (hai) phân, trị giá: 52.190.000 đồng;
- 01 (một) dây chuyền cong kim tiền và mặt dây chuyền, loại vàng 18k (61%), tổng trọng lượng 03 (ba) chỉ 02 (hai) phân, trị giá: 16.373.000 đồng;
- 02 (hai) nhẫn vàng 9999, tổng trọng lượng 05 (năm) chỉ, trị giá: 40.100.000 đồng;
- 01 (một) nhẫn, loại vàng 18k (75%), trọng lượng 1,16 chỉ, trị giá: 7.087.600 đồng;
- 02 (hai) nhẫn, loại vàng 18k (61%), tổng trọng lượng 01 (một) chỉ, trị giá: 5.117.000 đồng;

- 01 (một) dây chuyền và mặt dây chuyền, loại vàng trắng (I), tổng trọng lượng 11,7 gam, trị giá: 18.993.000 đồng;
- 02 (hai) lắc vàng trắng (I), tổng trọng lượng 06 gam, trị giá: 9.740.000 đồng;
- 01 (một) nhẫn vàng trắng (I), trọng lượng 4,17 gam, trị giá: 6.769.300 đồng;
- 01 (một) điện thoại di động hiệu S, loại Galaxy A50, màu bạc, đã qua sử dụng, trị giá: 867.000 đồng;
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, màu vàng, bề kính màn hình, không sử dụng được, trị giá: 667.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là 157.903.900 đồng.

Tại bản cáo trạng số 39/CT-VKSCG, ngày 10/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo tội “*Trộm cắp tài sản*” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Đỗ Ngọc D từ 05 (năm) năm đến 06 (sáu) năm tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đề nghị áp dụng quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự để xử lý tang vật thu giữ:

Tịch thu tiêu hủy: 01 cây đục (de) hình tròn bằng kim loại màu đen dài khoảng 25cm quấn băng keo màu đen, có 01 đầu tày và 01 đầu dẹp, là công cụ bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Redmi, màu xanh ngọc, sim số 0902.979.024 và 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu xanh, không có sim, tài sản cá nhân của bị cáo không liên quan đến vụ án. Tại phiên tòa bị cáo yêu cầu nhận lại, nên đề nghị hoàn trả cho bị cáo.

Đối với: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu xanh, biển số 59D2-964.04 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 59D2-964.04 tên Nguyễn Văn M1, là tài sản hợp pháp của Đỗ Thanh T (em ruột D) và 01 xe mô tô hiệu

Honda, loại Airblade, màu cam đen xám, biển số 59K1-982.06 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 59K-982.06 tên Đỗ Ngọc C, là tài sản hợp pháp của Đỗ Ngọc C (em ruột D), nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã giao trả lại cho chủ sở hữu, là phù hợp;

Đối với: 01 lắc, loại vàng 18K (61%), trọng lượng 01 lượng 02 phân (theo cân thực tế); 01 dây chuyền cong kim tiền và mặt dây chuyền, loại vàng 18K (61%), trọng lượng 03 chỉ 02 phân (theo cân thực tế) và 01 dây chuyền và mặt dây chuyền bằng kim loại màu trắng bạc, đã qua sử dụng; 01 cây nhỏ đỉnh (xà ben) hình tròn bằng kim loại màu đen chiều dài khoảng 60cm, có 01 đầu uốn cong khe nhỏ đỉnh và đầu còn lại đập dẹp, là tài sản hợp pháp của Ngô Ngọc Tuấn A, nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã giao trả lại cho anh A, là phù hợp.

Đối với số tiền Việt Nam 1.000.000 đồng; 02 tờ tiền USD mệnh giá 100 USD/tờ; 02 tờ tiền USD mệnh giá 50 USD/ tờ, là tiền và tài sản do bị cáo mua được từ tiền bán tài sản trộm mà có, anh Ngô Ngọc T1 A đồng ý nhận lại số tiền trên để khấu trừ trách nhiệm dân sự, nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã giao trả cho anh A, là phù hợp.

Đối với: 01 ví da màu nâu; 01 đôi dép nhựa màu xám bên trên dép ghi “NIKE”; 01 áo khoác hiệu “Ahamove”, màu cam xanh và 01 nón kết màu nâu xám đen bên trên nón ghi “LA”, là tài sản cá nhân của bị cáo D, không liên quan đến vụ án, nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho bị cáo, là phù hợp.

Đối với: 02 hợp đồng cầm đồ của Cửa hàng D1, địa chỉ 1 L, Phường G, Quận F, Tp ., ngày 28/9/2024 (số A) và ngày 29/9/2024 (số 017966), là tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án, nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã đánh bút lục, lưu hồ sơ vụ án, là phù hợp.

Đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; 585; 586; Điều 589

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo. Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Ngô Ngọc T1 A số tiền tổng cộng là 121.500.000 đồng và chị Lê Kim P số tiền 45.000.000 đồng.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo trong lời nói sau cùng xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Ngọc D khai nhận: Khoảng 20 giờ ngày 27/9/2024, tại nhà anh Ngô Ngọc T1 A thuộc Tổ A, khu phố K, thị trấn C, huyện C, Đỗ Ngọc D lén lút đột nhập vào nhà anh A thực hiện hành vi lấy trộm tài sản gồm: tiền Việt Nam 30.000.000 đồng; 01 (một) chiếc lắc loại vàng 18k (61%), trọng lượng 01 (một) lượng 02 (hai) phân; 01 (một) dây chuyền cong kim tiền và mặt dây chuyền, loại vàng 18k (61%), tổng trọng lượng 03 (ba) chỉ 02 (hai) phân; 02 (hai) nhẫn vàng 9999, tổng trọng lượng 05 (năm) chỉ; 01 (một) nhẫn, loại vàng 18k (75%), trọng lượng 1,16 chỉ; 02 (hai) nhẫn, loại vàng 18k (61%), tổng trọng lượng 01 (một) chỉ; 01 (một) dây chuyền và mặt dây chuyền, loại vàng trắng (I), tổng trọng lượng 11,7 gam; 02 (hai) lắc vàng trắng (I), tổng trọng lượng 06 gam; 01 (một) nhẫn vàng trắng (I), trọng lượng 4,17 gam; 01 (một) điện thoại di động hiệu S, loại Galaxy A50, màu bạc, đã qua sử dụng và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, màu vàng, bề kính màn hình, không sử dụng được của anh Ngô Ngọc T1 A, với tổng giá trị tài sản là 187.903.900 đồng. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” và X thấy giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại trên 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng. Do đó hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp định khung tăng nặng hình phạt là “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây mất an ninh trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi lén lút lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: bị cáo có một tiền án, theo Bản án số 42/2023/HSST ngày 05/4/2023, của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An xử phạt 01 (một) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành xong ngày 13/12/2023, thì ngày 27/9/2024 lại tiếp tục thực hiện

hành vi phạm tội mới với lỗi cố ý. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm*” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo còn đang nuôi con còn nhỏ (sinh năm 2020), nên bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

[6] Xét thấy bị cáo có nhân thân xấu, có một tiền án như đã phân tích tại phần [4] và một lần vào ngày 07/6/2017, bị Công an xã T, huyện B, Tp . xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản, với số tiền 1.500.000 đồng. Do đó cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, mới có thể giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội. Xét thấy áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo cũng đủ răn đe, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[7] Đối với chị Lê Kim P và Lê Thị Hoàng M có hành vi nhận cầm cố và mua vàng của bị cáo D, nhưng không biết đây là tài sản do phạm tội mà có, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý về hành vi “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại Điều 323 Bộ luật hình sự, là phù hợp; Đối với bà Lâm Thị L, bị cáo khai có bán nữ trang tại tiệm vàng của bà L, nhưng bà L xác định bị cáo D không có đến tiệm vàng để bán vàng và cũng không có chứng cứ chứng minh, nên không có cơ sở xem xét xử lý. Đối với người đàn ông (không rõ nhân thân), theo bị cáo khai là người mua 02 điện thoại di động do bị cáo bán, nhưng không xác định được, nên không có căn cứ xử lý.

[8] Về tang vật: căn cứ các quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự để xử lý tang vật thu giữ:

[8.1] Đối với: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu xanh, biển số 59D2-964.04 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 59D2-964.04 tên Nguyễn Văn M1, là tài sản hợp pháp của Đỗ Thanh T (em ruột D) và 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Airblade, màu cam đen xám, biển số 59K1-982.06 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 59K-982.06 tên Đỗ Ngọc C, là tài sản hợp pháp của Đỗ Ngọc C (em ruột D). Việc bị cáo sử dụng hai xe mô tô này làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội và đi tiêu thụ tài sản phạm tội, nhưng chị T và anh C không biết, nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã giao trả lại cho chủ sở hữu, là phù hợp.

[8.2] Đối với: 01 lắc, loại vàng 18K (61%), trọng lượng 01 lượng 02 phân (theo cân thực tế); 01 dây chuyền cong kim tiền và mặt dây chuyền, loại vàng 18K (61%), trọng lượng 03 chỉ 02 phân (theo cân thực tế) và 01 dây chuyền và mặt dây chuyền bằng kim loại màu trắng bạc, đã qua sử dụng, là tài sản hợp pháp của anh Ngô Ngọc Tuấn A, nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã hoàn trả cho anh A, là phù hợp; Đối với 01 cây nhỏ đỉnh (xà ben) hình tròn bằng kim loại màu đen chiều dài khoảng 60cm, có 01 đầu uốn cong khe nhỏ đỉnh và đầu còn lại đập dẹp, là công cụ bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, nhưng là tài sản hợp pháp của Ngô Ngọc Tuấn A, nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã giao trả lại cho anh A, là phù hợp.

[8.3] Đối với số tiền Việt Nam 1.000.000 đồng; 02 tờ tiền USD mệnh giá 100 USD/tờ; 02 tờ tiền USD mệnh giá 50 USD/ tờ, là tiền và tài sản do bị cáo mua được từ tiền bán tài sản trộm mà có, anh Ngô Ngọc T1 A đồng ý nhận lại số tiền trên để khấu trừ trách nhiệm dân sự, nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã giao trả cho anh A, là phù hợp.

[8.4] Đối với: 01 ví da màu nâu; 01 đôi dép nhựa màu xám bên trên dép ghi “NIKE”; 01 áo khoác hiệu “Ahamove”, màu cam xanh và 01 nón kết màu nâu xám đen bên trên nón ghi “LA”, là tài sản cá nhân của bị cáo D, không liên quan đến vụ án, nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho bị cáo, là phù hợp.

[8.5] Đối với: 02 hợp đồng cầm đồ của Cửa hàng D1, địa chỉ 1 L, Phường G, Quận F, Tp ., ngày 28/9/2024 (số A) và ngày 29/9/2024 (số 017966), là tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án, nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã đánh bút lục, lưu hồ sơ vụ án, là phù hợp.

[8.6] Đối với 01 điện thoại di động hiệu Redmi, màu xanh ngọc, sim số 0902.979.024 và 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu xanh, không có sim. Là tài sản cá nhân của bị cáo không liên quan đến vụ án. Tại phiên tòa bị cáo yêu cầu nhận lại, nên hoàn trả cho bị cáo.

[8.7] Đối với 01 cây đục (de) hình tròn bằng kim loại màu đen dài khoảng 25cm quấn băng keo màu đen, có 01 đầu tày và 01 đầu dẹp, là công cụ bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, xét thấy giá trị sử dụng không lớn, nên tịch thu tiêu hủy.

[9] Về trách nhiệm dân sự: tại phiên tòa bị hại Ngô Ngọc Tuấn A yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền tổng cộng là 121.500.000 đồng (gồm tiền mặt 30.000.000 đồng, giá trị số nữ trang không thu hồi được và giá trị 02 điện thoại di động không thu hồi được). Trước yêu cầu của anh A, bị cáo đồng ý, nên ghi nhận. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Kim P yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 45.000.000 đồng, là số tiền nhận cầm số nữ trang của bị cáo. Trước yêu cầu

của chị P, bị cáo đồng ý, nên ghi nhận. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Hoàng M vắng mặt, nhưng theo hồ sơ thể hiện (*bút lục số 163*) không yêu cầu, nên không xem xét.

[10] Về án phí: bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền còn phải bồi thường cho anh A và chị P là 166.500.000 đồng theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Đỗ Ngọc D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Đỗ Ngọc D 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 04/10/2024.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án (26/3/2025) để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 cây đục (de) hình tròn bằng kim loại màu đen dài khoảng 25cm quấn băng keo màu đen, có 01 đầu tày và 01 đầu đẹp.

Hoàn trả cho bị cáo: 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi, màu xanh ngọc, sim số 0902.979.024 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, màu xanh, không có sim.

Hiện vật chứng Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc đang tạm giữ theo Quyết định chuyển vật chứng số 26/QĐ-VKSCG, ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; 585; 586 Điều 590; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đỗ Ngọc D phải bồi thường cho bị hại Ngô Ngọc T1 An số tiền 121.500.000 đồng (một trăm hai mươi một triệu năm trăm ngàn đồng) và bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Lê Kim P số tiền 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất pháp luật quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 8.325.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- Công an tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- THA DS huyện Cần Giuộc;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN ĐỨC BẢO

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIUỘC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Cần Giuộc, ngày 26 tháng 3 năm 2025

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 9 giờ 15 phút ngày 26 tháng 3 năm 2025.

Tại: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Bảo.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Trường Tam .

Ông Nguyễn Thành Công.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2025/TLST-HS, ngày 10/3/2025 đối với bị cáo: Đỗ Ngọc Dương.

Căn cứ vào Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Đỗ Ngọc Dương phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về Điều luật áp dụng:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về hình phạt:

Xử phạt: Đỗ Ngọc Dương 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 04/10/2024.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án (26/3/2025) để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. Các vấn đề khác:

Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 cây đục (de) hình tròn bằng kim loại màu đen dài khoảng 25cm quấn băng keo màu đen, có 01 đầu tày và 01 đầu đẹp.

Hoàn trả cho bị cáo: 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi, màu xanh ngọc, sim số 0902.979.024 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, màu xanh, không có sim.

Hiện vật chứng Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc đang tạm giữ theo Quyết định chuyển vật chứng số 26/QĐ-VKSCG, ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; 585; 586 Điều 590; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đỗ Ngọc Dương phải bồi thường cho bị hại Ngô Ngọc Tuấn An số tiền 121.500.000 đồng (một trăm hai mươi một triệu năm trăm ngàn đồng) và bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Lê Kim Phụng số tiền 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất pháp luật quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 8.325.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 9 giờ 45 phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên của Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA

